



International
Labour
Organization

Decent Work in
Garment Supply
Chains Asia



Sweden
Sverige

► Xây dựng lại tốt hơn đi đôi với bền vững về môi trường và bình đẳng giới: Tóm tắt Báo cáo Quốc gia – Việt Nam



Copyright © International Labour Organization 2022

First published 2022

Publications of the International Labour Office enjoy copyright under Protocol 2 of the Universal Copyright Convention. Nevertheless, short excerpts from them may be reproduced without authorization, on condition that the source is indicated. For rights of reproduction or translation, application should be made to ILO Publications (Rights and Licensing), International Labour Office, CH-1211 Geneva 22, Switzerland, or by email: rights@ilo.org. The International Labour Office welcomes such applications.

Libraries, institutions and other users registered with a reproduction rights organization may make copies in accordance with the licences issued to them for this purpose. Visit www.ifrro.org to find the reproduction rights organization in your country.

ISBN 978-922-0387-53-5 (web PDF)

The designations employed in ILO publications, which are in conformity with United Nations practice, and the presentation of material therein do not imply the expression of any opinion whatsoever on the part of the International Labour Office concerning the legal status of any country, area or territory or of its authorities, or concerning the delimitation of its frontiers.

The responsibility for opinions expressed in signed articles, studies and other contributions rests solely with their authors, and publication does not constitute an endorsement by the International Labour Office of the opinions expressed in them.

Reference to names of firms and commercial products and processes does not imply their endorsement by the International Labour Office, and any failure to mention a particular firm, commercial product or process is not a sign of disapproval.

Information on ILO publications and digital products can be found at: www.ilo.org/publns.

All photos: © ILO

Printed in Thailand

► Lời nói đầu – Báo cáo Việt Nam

Nghiên cứu *Tái thiết tốt hơn nhờ môi trường bền vững và bình đẳng giới* là một phần của dự án Việc làm bền vững trong chuỗi cung ứng dệt may Châu Á. Đây là dự án kéo dài bốn năm do Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) tài trợ và phối hợp với Văn phòng khu vực của ILO tại Bangkok thực hiện. Dự án nhằm mục đích cải thiện điều kiện làm việc và quyền của lao động nữ và lao động nam trong ngành dệt may Châu Á thông qua cải thiện đối thoại xã hội, năng suất, bình đẳng giới và môi trường bền vững.

Dự án tập trung vào bốn lĩnh vực kết quả sau đây:

1. Quan hệ lao động,
2. Bình đẳng giới,
3. Năng suất và khả năng cạnh tranh, và
4. EMôi trường bền vững.

Hoạt động nghiên cứu này dựa trên định hướng Kết quả 4 và Kết quả 2, là hoạt động chung nhằm đạt lợi ích kép trong việc thúc đẩy môi trường bền vững và bình đẳng giới trong ngành dệt may. Mục đích của nghiên cứu là xác định sự đồng thuận giữa các bên liên quan trong ngành về các ưu tiên trong tương lai và các hành động khuyến nghị đối với các nhóm bên liên quan khác nhau nhằm thúc đẩy sự bền vững.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp Delphi – một công cụ được sử dụng rộng rãi để xây dựng sự đồng thuận giữa các bên liên quan dựa trên quá trình lặp đi lặp lại – nhằm xác định liên minh các chủ thể cần thiết để giúp cải cách ngành dệt may cũng như các ưu tiên chính là trọng tâm hành động của mỗi bên liên quan. Có 80 đối tượng tham gia nghiên cứu, bao gồm doanh nghiệp (31 doanh nghiệp), công đoàn, người lao động, hiệp hội ngành, quan chức chính phủ và các bên liên quan khác trong ngành. Trong đó, 40% người tham gia là nữ và 60% là nam. Những người tham gia nghiên cứu được chọn từ bốn quốc gia trọng điểm của Kết quả 4 – Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Việt Nam.

Báo cáo này trình bày những điểm nổi bật của kết quả nghiên cứu cấp quốc gia tại Việt Nam, bao gồm các ưu tiên và khuyến nghị đối với mỗi bên liên quan nhằm tăng cường môi trường bền vững và bình đẳng giới trong ngành dệt may Việt Nam. Báo cáo cũng được dịch sang tiếng Việt.

Báo cáo ở cấp quốc gia cũng được ban hành riêng cho ba quốc gia trọng điểm còn lại - Bangladesh, Campuchia và Indonesia, bao gồm bản dịch sang mỗi thứ tiếng. Ngoài ra, Báo cáo tổng hợp cũng được công bố, trong đó trình bày các phát hiện, ưu tiên và khuyến nghị ở cấp khu vực được rút ra từ các kết quả thực nghiệm ở mỗi quốc gia trọng điểm. Báo cáo tổng hợp cũng giải thích chi tiết về phương pháp nghiên cứu được sử dụng.

Tổng hợp phân tích và khuyến nghị cho ngành dệt may hậu COVID-19

Xây dựng lại tốt hơn là một thuật ngữ thường được sử dụng trong công tác hoạch định chính sách toàn cầu về sự cần thiết phải phục hồi xã hội và các nền kinh tế sau đại dịch Covid-19. Trong lĩnh vực dệt may toàn cầu, thuật ngữ này cũng được sử dụng tương tự để mô tả sự cần thiết phải chuyển đổi sang một mô hình kinh doanh bền vững và linh hoạt hơn trong ngành – một mô hình vừa giảm tác động của sản xuất và tiêu dùng đến môi trường, vừa giải quyết vấn đề thực hành lao động yếu kém vốn tồn tại lâu nay.

Nhưng khi nào thì chúng ta cần làm rõ xây dựng lại tốt hơn thực sự có nghĩa là gì và chúng ta đang xây dựng lại tốt hơn cho ai? Các cuộc khủng hoảng tạo cơ hội cho các bên liên quan ngồi lại với nhau và xác định những lợi ích chung mới hoặc được sắp xếp lại theo thứ tự ưu tiên hướng tới phục hồi. Những nỗ lực khai thác các mối quan hệ mới này, và quan trọng là bao trùm tất cả các nhóm – kể cả những người dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề xã hội – có thể thành công hơn so với những nỗ lực chỉ tập trung vào các giải pháp vật chất hoặc công nghệ.

Tuy nhiên, những liên kết mới này thường không tự động diễn ra mà thường đòi hỏi nỗ lực, thời gian, sự phối hợp và xây dựng năng lực. Suy nghĩ về cách thức làm được điều này trong bối cảnh phục hồi sau COVID-19 nên là ưu tiên hàng đầu đối với ngành dệt may vì ngành này muốn xây dựng lại với trọng tâm là sự bền vững: tất cả các bên liên quan có tham gia vào quy trình này hay không, họ có năng lực tham gia đầy đủ và/hoặc bình đẳng không? Lao động nữ đã và đang tham gia như thế nào khi họ chiếm phần đa lực lượng lao động của ngành? Những bước đi và biện pháp tiếp theo nào cần được thực hiện để đảm bảo rằng hợp tác và đối thoại hiệu quả?

Báo cáo này sử dụng phương pháp Delphi – một công cụ tốt được xây dựng để xác định sự đồng thuận giữa các bên liên quan – để xác định sự liên kết giữa các bên liên quan cần thiết nhằm cải cách ngành dệt may và các ưu tiên chính là trọng tâm hành động của các bên liên quan.

Nghiên cứu này là kết quả của hội thảo chung về bền vững môi trường và bình đẳng giới về Xây dựng lại tốt hơn: Hướng tới bền vững về môi trường và bình đẳng giới hậu Covid-19 trong ngành dệt may ở châu Á thuộc Dự án Việc làm thỏa đáng trong Chuỗi cung ứng ngành dệt may tại Châu Á (DWGSC) do Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) tài trợ. Hội thảo này nêu bật lợi tức kép có thể mang lại khi đồng thời tăng cường tính bền vững về môi trường và bình đẳng giới trong lĩnh vực dệt may.

Nghiên cứu có sự tham gia của 80 đối tượng bao gồm doanh nghiệp (31 doanh nghiệp), công đoàn, người lao động, hiệp hội ngành, cán bộ chính phủ và các bên liên quan khác trong ngành. 40% những người tham gia là phụ nữ và 60% là nam giới. Những người tham gia ban đầu được lựa chọn từ Nhóm Công tác về Giới và những người tham gia Chương trình Nữ lãnh đạo và Mạng lưới Nghiên cứu Đổi mới Sinh thái Dệt may đều thuộc khuôn khổ dự án DWGSC. Kỹ thuật phỏng vấn snowball (quả cầu tuyết) được sử dụng tiếp đó để xác định thêm những người tham gia ở bốn quốc gia trọng điểm – Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Việt Nam. Ở mỗi quốc gia, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 20 đối tượng là các bên liên quan.

Nghiên cứu tập trung vào việc xác định sự đồng thuận về hành động trong cả hai lĩnh vực bền vững môi trường và bình đẳng giới.

Kết quả tổng hợp về tính Bền vững về Môi trường

Trong phân tích cấp quốc gia và phân tích so sánh, tính bền vững về môi trường được những người tham gia nghiên cứu xác định là ưu tiên hành động chính và là ưu tiên thường nổi lên hàng đầu hoặc đã được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau ở cấp doanh nghiệp và cấp ngành. Các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động này do các yếu tố chủ quan nhiều hơn là do các yếu tố khách quan hoặc yêu cầu do thương hiệu/người mua đặt ra. Phát hiện này cho thấy các hoạt động xây dựng kiến thức, nhận thức và động lực nội tại của doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tính bền vững môi trường.

Ở cả bốn quốc gia – 84% doanh nghiệp tham gia nghiên cứu xác định tính bền vững về môi trường và nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực này là ưu tiên hàng đầu đối với hoạt động kinh doanh của họ. Tuy nhiên, có sự khác biệt ở cấp quốc gia trong cách xác định những cơ hội này. Có sự khác biệt giữa bốn quốc gia trong cách xác định chất thải và các nguồn năng lượng tái tạo/điện năng là cơ hội. Đây có thể là kết quả của quốc gia, và thậm chí cả các yếu tố đặc thù của địa phương trong khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo và thiết bị tiết kiệm năng lượng, cũng như sự sẵn có của bí quyết kỹ thuật và chuyên môn trong việc tư vấn, lắp đặt và tài trợ cho các cơ hội đó.

Ở cấp khu vực, những phát hiện này thể hiện các doanh nghiệp dặt may ở các quốc gia đang đánh giá các cơ hội bền vững về môi trường tương tự trong ngành, tạo cơ hội chia sẻ kiến thức và nâng cao năng lực ở cấp khu vực, nhưng việc xác định và triển khai cụ thể các cơ hội cũng phụ thuộc vào bối cảnh chuyên môn và công nghệ nhất định sẵn có trong lĩnh vực dặt may của mỗi quốc gia. Điều này đặc biệt đúng khi các khoản đầu tư cấp doanh nghiệp này cũng đòi hỏi mức đầu tư cơ sở hạ tầng chung lớn hơn, chẳng hạn như khả năng cung cấp lưới điện trong trường hợp năng lượng tái tạo, cơ sở xử lý nước tập trung và cơ sở hạ tầng tái chế và chất thải trong trường hợp các hoạt động tái chế và kinh tế tuần hoàn.

Sự tồn tại của một hệ sinh thái hỗ trợ tính bền vững cũng rất quan trọng đối với sự tiến bộ ở cả cấp doanh nghiệp và cấp ngành. Có nhiều đòn bẩy trong việc tạo ra hệ sinh thái hỗ trợ này, với sự kết hợp chính sách thuận lợi là rất quan trọng – một chính sách tích hợp quy định về môi trường, với hướng dẫn cụ thể theo ngành/bối cảnh cũng như tạo cơ chế khuyến khích cho doanh nghiệp, đầu tư vào phát triển kỹ năng, tăng cường tri thức và xây dựng mạng lưới. Các nghĩa vụ thẩm định và thực hành mua hàng bền vững từ người mua và thương hiệu cũng góp phần tạo ra một hệ sinh thái thuận lợi cho sự bền vững về môi trường nếu những khía cạnh này cũng giải quyết việc chia sẻ chi phí và lợi ích của các khoản đầu tư liên quan đến tính bền vững này.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là tác động của việc thiếu tính bền vững về môi trường trong lĩnh vực này ảnh hưởng không tương xứng đến những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong lĩnh vực này và rộng hơn là xã hội mà ở đó lĩnh vực này hoạt động – đó là phụ nữ và các nhóm yếu thế. Lợi ích của việc tăng cường tính bền vững về môi trường gắn kết chặt chẽ và có thể cùng đem lại lợi ích trong việc thúc đẩy bình đẳng giới.

Kết quả tổng hợp về Bình đẳng giới

Với lực lượng lao động toàn cầu mà phụ nữ chiếm số đông, bình đẳng giới là một lĩnh vực mà ngành dệt may chưa đạt được. Ước tính có đến 80% lao động trong lĩnh vực này là nữ¹, mặc dù họ thường làm những công việc được trả lương thấp hơn, an ninh việc làm thấp hơn và là nạn nhân của bạo hành, quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới.²

Sự tiến bộ trong bình đẳng giới và tính bền vững của môi trường có mối liên hệ chặt chẽ. Khi nhu cầu và ưu tiên khác nhau của nam giới và phụ nữ trong tương lai không được giải quyết, có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới dai dẳng và dẫn đến quá trình chuyển đổi hướng tới bền vững môi trường “thiếu công bằng” hơn trong toàn ngành. Ngành dệt may là một ngành quan trọng tạo việc làm cho phụ nữ và là khía cạnh thuận lợi để đạt được tiến bộ hơn trong vấn đề bình đẳng giới trong lao động.

Nghiên cứu Delphi đã nêu bật một số ưu tiên rõ rệt để thúc đẩy bình đẳng giới trong ngành, mặc dù những ưu tiên này không phải là mới hoặc chưa được biết đến. Các vấn đề đặt ra bao gồm cần làm rõ các hành vi cấu thành quấy rối, bạo hành và phân biệt đối xử, cũng như những thay đổi liên quan đến chuẩn mực văn hóa bị cáo buộc liên quan đến những phương thức thực hành và văn hóa nơi làm việc không được chấp nhận. Sự bất cân xứng về quyền lực ẩn sâu trong lực lượng lao động và trong toàn ngành (thường tuân theo giới tính) cũng cần được giải quyết để nạn nhân và những người ngoài cuộc cảm thấy được hỗ trợ và trao quyền để báo cáo các hành vi và yêu cầu bồi thường.

Các hoạt động nâng cao năng lực cho nhiều bên trong ngành về bình đẳng giới và giảm thiểu tình trạng bạo lực, quấy rối và phân biệt đối xử cho thấy đã có một số tiến bộ tích cực trong thập kỷ qua. Các hoạt động nâng cao năng lực thành công bao gồm việc đồng sáng tạo, xây dựng và thực hiện các chính sách và quy định về bình đẳng giới với doanh nghiệp và người lao động. Những nỗ lực quy mô lớn hơn đã được chứng minh là có hiệu quả bao gồm đào tạo và các chiến dịch về bình đẳng giới, đặc biệt là những chiến dịch có sự tham gia của các bên liên quan ở nhiều cấp thẩm quyền như cơ quan chính phủ, công đoàn và hiệp hội ngành.

Hiệu quả của hoạt động nâng cao năng lực còn được quyết định bởi nội lực sẵn có trong doanh nghiệp cụ thể. Các doanh nghiệp cũng nhấn mạnh các vấn đề tương tự về năng lực liên quan đến khả năng triển khai các chính sách hỗ trợ tại nơi làm việc dành cho gia đình. Các doanh nghiệp lập luận rằng mức độ vững vàng trong kinh doanh hạn chế khiến họ khó đầu tư thêm vào đội ngũ nhân viên và các chính sách hỗ trợ gia đình, cho rằng khả năng duy trì tỷ suất lợi nhuận phù hợp trong các thị trường cạnh tranh cao với chi phí thấp, sản lượng lớn mà nhiều nhà sản xuất đang hoạt động là rất khó khăn. Giải quyết các chính sách hỗ trợ gia đình là một lĩnh vực khác mà công tác quản trị mang tính hợp tác/kết nối có thể mang lại sự tiến bộ.

Có một đường hướng quan trọng để kết nối tốt hơn tính bền vững xã hội và môi trường, vì làm như vậy có thể khai thác cùng một nguồn động lực nội tại và sử dụng chung các nguồn lực và khả năng nội bộ, và các chương trình bền vững cũng có thể chú trọng và xây dựng các nguồn lực và khả năng nội bộ giống nhau cũng như đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành. Chúng ta cần những mô hình mới để phân bổ chi phí và lợi ích của việc đạt được tính bền vững do những mô hình hiện tại không dẫn đến tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực này về tính bền vững của môi trường và xã hội. Một trong những nhận định phổ biến nhất của những người được phỏng vấn tham gia nghiên cứu Delphi là sự công nhận mối liên hệ chặt chẽ

1 Better Work 2019. “ILO100: Mười cách thức ILO chuyển đổi ngành dệt may toàn cầu”, có thể truy cập tại: <https://better-work.org/2019/01/22/ilo100-ten-ways-the-ilo-has-transformed-the-global-may-mặc/>. ———. 2020a.

2 ILO (2021) Di chuyển mũi kim – Bình đẳng giới và việc làm thỏa đáng trong ngành dệt may ở Châu Á, ILO: Thái Lan, có thể truy cập tại https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/tài-liệu/xuất-bản/wcms_789822.pdf

giữa tính bền vững về môi trường và xã hội trong các doanh nghiệp, điều này được thể hiện tốt rõ nhất trong câu trích dẫn sau đây của một người được phỏng vấn:

“Doanh nghiệp quan tâm đến tính bền vững về môi trường cũng chính là quan tâm đến điều kiện lao động.”

Khuyến nghị từ Nghiên cứu

Những khuyến nghị này dành cho các tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình về tính bền vững trong lĩnh vực dệt may ở cấp quốc gia và khu vực.

1. Đánh giá và xây dựng năng lực hợp tác để thiết kế và thực hiện các chương trình bền vững do các bên liên quan chủ trì trong các hoạt động chuyển đổi giới và bao trùm giữa các bên liên quan trong ngành.
2. Xây dựng các cơ chế quản trị được kiện toàn trong quá trình thiết kế và thực hiện chương trình bền vững để đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đều tham gia vào quá trình xây dựng các hoạt động được thiết kế thực sự để hỗ trợ họ, bao gồm cả lao động nữ.
3. Các chương trình bền vững nên bao gồm các hoạt động nhận biết và kết hợp các động cơ nội tại của những người tham gia để thay đổi hành vi tích cực – thiết kế chương trình mới và đang thực hiện cần xác định và khơi dậy các động cơ nội tại này trong các doanh nghiệp và cá nhân.
4. Xác định việc chia sẻ tri thức ở cấp khu vực cũng như các lộ trình bền vững môi trường ở cấp quốc gia/ngành phù hợp để đảm bảo những lộ trình này mang tính bao trùm và đáp ứng giới với các hành động cụ thể để giải quyết các rào cản chính bao gồm nâng cao nhận thức, nhu cầu và ưu tiên cơ sở hạ tầng, tiếp cận tài chính và sự sẵn sàng đầu tư và chiến lược phát triển kỹ năng.
5. Xây dựng một khung khổ chia sẻ kiến thức ngành trong khu vực cũng như các cơ hội và nền tảng cho các nhà hoạch định chính sách để thiết kế các chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo bền vững môi trường và bình đẳng giới trong ngành.
6. Hỗ trợ các hoạt động hợp tác, giáo dục và xây dựng năng lực đang thực hiện nhằm xây dựng bình đẳng giới và giải quyết tình trạng bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới tại nơi làm việc. Giải quyết vấn đề bình đẳng giới nên là một phần của kế hoạch Chuyển đổi Công bằng và Công ước số 190 của ILO cũng có thể tạo định hướng xây dựng một chương trình hành động cụ thể về bình đẳng giới.
7. Liên kết các chương trình và vận động trong ngành (ngành một gia tăng) về các thực hành mua hàng bền vững trong chuỗi cung ứng với những lợi ích có được từ các thực hành bền vững này để đạt được bình đẳng giới và nơi làm việc hỗ trợ gia đình.

Những phát hiện cụ thể của Việt Nam³

Ngành dệt may là một ngành quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam xét về sản lượng công nghiệp, giá trị xuất khẩu và việc làm. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong các mặt hàng dệt may, quần áo và giày dép đã tăng gần gấp đôi trong 5 năm qua⁴. Việt Nam hiện là nước xuất khẩu hàng dệt may và quần áo lớn thứ năm tính theo tổng sản phẩm quốc nội (GDP) sau Trung Quốc, Ấn Độ, Ý và Đức.

Ngành này ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào các công đoạn may-cắt-xén/ráp hàng may mặc. Các hoạt động ráp hàng may mặc thâm dụng lao động, chủ yếu sử dụng lao động có tay nghề thấp, nhưng có tác động tương đối nhỏ đến môi trường so với các phần khác của chuỗi cung ứng. Cũng có một số công đoạn sản xuất hàng dệt may ở Việt Nam, mặc dù hiện tại những hàng dệt may này chủ yếu chỉ dành cho thị trường nội địa. Các hoạt động ở đầu chuỗi (sản xuất sợi) và công đoạn giữa (sản xuất vải và nhuộm) đã được đầu tư đáng kể trong những năm gần đây. Việc chú trọng phát triển các mối liên kết ngược với các hoạt động sản xuất sợi, sản xuất vải và chế biến ướt khiến tác động của ngành tới môi trường tại Việt Nam ngày càng lớn.

Đại dịch Covid-19 đã tác động sâu rộng đến toàn ngành: từ việc giảm doanh thu, thay đổi chiến lược ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp cho đến đời sống của người lao động gặp nhiều bất ổn và thay đổi vai trò của các bên liên quan. Các tác động của đại dịch có thể được chia thành bốn giai đoạn khác nhau.

Giai đoạn đầu năm 2020 chứng kiến đại dịch tác động lớn đến nguồn cung. Sự bùng phát của dịch bệnh tại Trung Quốc đã gây nên sự gián đoạn về nguồn nguyên liệu thô, dẫn đến sản xuất của các doanh nghiệp bị gián đoạn. Ở giai đoạn tiếp theo, tác động đến từ việc các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam như Hoa Kỳ, châu Âu trở thành vùng dịch lớn nhất thế giới. Nhu cầu giảm mạnh, các thương hiệu phá sản khiến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường này sụt giảm nghiêm trọng. Do sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng chính bị đình trệ, các doanh nghiệp Việt Nam phải tập trung sản xuất khẩu trang và đồ bảo hộ y tế để duy trì hoạt động. Tình hình đầu năm 2021 khả quan hơn khi các đơn hàng dệt may từ các nước lân cận ồ ạt chuyển sang Việt Nam. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến điều này, trong đó có việc Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh trong khi dịch bùng phát dữ dội ở các nước khác như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan; và tình hình chính trị bất ổn ở Myanmar. Đơn hàng đầu năm 2021 của doanh nghiệp Việt Nam tăng gấp 2 đến 6 lần so với cùng kỳ năm 2020. Nhiều doanh nghiệp đã nhận đơn hàng đến quý IV năm 2021. Tuy nhiên, dịch bệnh bùng phát tại tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang vào cuối tháng 4 và tại miền Nam từ cuối tháng 6 khiến nhiều doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Họ không thể đáp ứng các điều kiện của chính sách ba tại chỗ (ăn, ngủ và làm việc tại một nơi). Sự gián đoạn này có thể khiến uy tín doanh nghiệp giảm sút, thương hiệu rời bỏ Việt Nam. Tóm lại, đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến ngành dệt may Việt Nam nhưng quy mô và cách thức tác động có khác nhau trong từng thời kỳ.

3 Phần Việt Nam của báo cáo được rút ra từ công trình nghiên cứu của ông Nguyễn Minh-Quang, là người đã thu thập dữ liệu cho Nghiên cứu Delphi tại Việt Nam.

4 Finn, Angela. 2019. “Sản xuất thời trang bền vững: Sản xuất tại Việt Nam.” Trong Quan điểm Toàn cầu về Thời trang Bền vững, do Alison Gwilt, Alice Payne và Evelise A. Ruthschilling biên tập. 194–204. Luân Đôn: Nhà xuất bản Bloomsbury

Tính bền vững về môi trường

Hầu hết các bên liên quan được phỏng vấn đều đồng ý rằng các doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của tính bền vững về môi trường và đã ưu tiên các mục tiêu môi trường. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển này, bao gồm (i) các yêu cầu về môi trường khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do, (ii) các tiêu chuẩn bắt buộc để doanh nghiệp có thể tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, (iii) sức ép từ các thương hiệu, (iv) sự rõ ràng và nghiêm ngặt hơn trong Luật Môi trường và các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, và (v) tham vấn với các tổ chức trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, mức độ nhận thức này không đồng đều giữa các loại hình doanh nghiệp. Doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp quy mô lớn thực hiện tốt các yêu cầu về bền vững môi trường. Trong khi đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), đặc biệt là những doanh nghiệp ở cuối chuỗi cung ứng, hoạt động kém hiệu quả hơn.

Các bên liên quan của doanh nghiệp xác định vấn đề môi trường là ưu tiên hàng đầu tại nơi làm việc của họ và cho biết họ nhận thức được tốt về mức độ bền vững môi trường hiện tại tại doanh nghiệp của mình, nhưng lại hiểu biết ít hơn nhiều về những cơ hội nào có sẵn cho họ để tăng hiệu suất môi trường.

Doanh nghiệp chỉ ra bốn nguyên nhân hiện đang hạn chế các hoạt động bền vững về môi trường (i) thiếu cơ sở hạ tầng (hệ thống xử lý nước, điện...), (ii) thiếu các quy định (về ô nhiễm, sử dụng năng lượng), (iii) thiếu giám sát và thực thi các quy định hiện hành về môi trường, và (iv) thiếu nhân lực có kỹ năng (về quản lý môi trường).

Các bên liên quan khác nhấn mạnh thêm các rào cản về cơ sở hạ tầng bao gồm việc thiếu quy hoạch tổng thể giữa chính quyền trung ương và địa phương về cơ sở hạ tầng và thiếu kế hoạch cho các khu công nghiệp đủ lớn trong ngành dệt may. Tác động của việc thiếu sự phối hợp giữa các bộ ngành được giao trách nhiệm khác nhau trong quản lý môi trường dẫn đến nhiều bất cập trong quản lý.

Nâng cao năng lực và hiểu biết của người sử dụng lao động và người lao động về bền vững môi trường, đặc biệt là trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng được nhấn mạnh. Điều này cũng liên quan đến những khó khăn về nguồn lực tài chính làm hạn chế cơ hội đầu tư cho bền vững môi trường của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc thiếu nguồn nhân lực, vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có nghĩa là nhiều doanh nghiệp cho biết họ không có đủ nguồn lực để bố trí nhân viên chuyên trách các hoạt động quản lý môi trường.

Các bên liên quan được phỏng vấn lập luận rằng các loại hình kinh doanh khác nhau có các ưu tiên và cơ hội khác nhau. Doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp quy mô lớn đã tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu nhận thức được tầm quan trọng của bền vững môi trường. Các doanh nghiệp này luôn hướng tới tiêu chuẩn quốc tế trong dệt may cũng như nỗ lực đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do. Ngoài ra, họ còn chịu sức ép từ các thương hiệu toàn cầu. Các doanh nghiệp này ngày càng quan tâm hơn đến việc sử dụng năng lượng tái tạo, chuyển sang sử dụng các thiết bị ít tiêu hao điện/nước và đảm bảo nước thải, chất thải sản xuất được xử lý đúng quy trình, tiêu chuẩn.

Trong khi đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường ít quan tâm đến các vấn đề bền vững về môi trường. Đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ ở cuối chuỗi cung ứng thường không nhận thức được các cơ hội và hoạt động có thể giảm thiểu nước thải và năng lượng cũng như những khoản tiết kiệm này sẽ hỗ trợ doanh nghiệp như thế nào. Một số người cho biết, điều này là do chi phí đầu tư vào công nghệ mới cao, lĩnh vực năng lượng tái tạo còn non trẻ, nhu cầu hỗ trợ cần thiết từ các bên liên quan và thiếu sự giám sát của các thương hiệu.

Với tác động của đại dịch, các yếu tố môi trường đã trở nên ít quan trọng hơn đối với các doanh nghiệp nhỏ hơn. Tuy nhiên, hầu hết các bên liên quan đều cho biết đã và đang áp dụng nhiều giải pháp hướng tới bền vững môi trường như: tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, cố gắng tận dụng vải thừa

trong quá trình sản xuất để tái chế, hạn chế sử dụng nhựa trong sản phẩm, tham gia các dự án phát triển bền vững, thành lập và phát triển các ban phát triển bền vững, mua máy móc hiện đại sử dụng ít năng lượng tiêu thụ và phát thải ở mức thấp, tổ chức đánh giá môi trường nội bộ thường xuyên, tham gia các chương trình tái chế toàn cầu, tái sử dụng năng lượng, ký cam kết giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng nhà máy theo tiêu chuẩn “Công trình xanh”.

Các bên liên quan nêu bật vai trò khác nhau của các chủ thể trong việc tăng cường tính bền vững môi trường trong toàn ngành. Đối với Chính phủ, các hành động bao gồm sự đồng bộ và phối hợp giữa các cơ chế khuyến khích và quy định, các quy định về môi trường chặt chẽ và nghiêm minh hơn cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các giải pháp bền vững. Các Chính phủ khác, đặc biệt là thông qua các Hiệp định Thương mại Tự do, có thể khuyến khích hơn nữa các khoản đầu tư vào môi trường thông qua các tiêu chuẩn sản xuất và thẩm định ngày càng nghiêm ngặt, bao gồm cả các hoạt động kinh tế tuần hoàn. Thương hiệu đóng vai trò tạo nhu cầu của khách hàng và định giá cao để tăng cường sản xuất. Các tổ chức phi chính phủ và các đối tác tri thức và nghiên cứu có thể đóng vai trò trung gian và môi giới tri thức, đồng thời giảm chi phí tìm kiếm và triển khai liên quan đến các quy trình và sản phẩm mới bền vững với môi trường.

Các bên liên quan được phỏng vấn nhấn mạnh đến các cơ hội sau để nâng cao tính bền vững môi trường trong lĩnh vực này ở Việt Nam:

- Nâng cao nhận thức của chủ doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng về tính bền vững của môi trường. Chính phủ, hiệp hội liên ngành, tổ chức phi chính phủ, cơ quan chuyên môn cần tăng cường đào tạo năng lực, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy hành vi tiêu dùng bền vững, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, sẵn sàng không tiêu dùng sản phẩm của doanh nghiệp thực hiện kém trách nhiệm xã hội.
- Các quy định và chế tài liên quan đến vấn đề môi trường cần được thắt chặt và tăng cường hơn nữa. Hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý nghiêm minh bằng luật hình sự và cần có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan ban ngành.
- Đối với các công ty vừa và nhỏ, chính phủ và các tổ chức liên quan khác có thể tạo cơ hội thuận lợi để đưa họ vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn. Điều này sẽ mang lại cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khả năng tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế, cập nhật xu hướng, kỹ thuật, công nghệ và kiến thức về các yêu cầu bền vững môi trường của chuỗi cung ứng. Ngoài ra, cũng có thể kết hợp các gói hỗ trợ tài chính để các doanh nghiệp này chuyển đổi sang sản xuất bền vững hơn.
- Mối quan hệ giữa thương hiệu và công ty gia công phải là mối quan hệ hai chiều. Bên cạnh các doanh nghiệp gia công, các thương hiệu cũng cần có trách nhiệm đầu tư hoặc cung cấp các công cụ tài chính để các công ty cùng thực hiện bảo vệ môi trường và cần có cơ hội để đánh giá tính bền vững và hành vi của thương hiệu thay vì chỉ đánh giá các công ty cung ứng.
- Các tổ chức phi chính phủ nên đóng vai trò trung gian để áp dụng các thực hành bền vững trong ngành dệt may. Các tổ chức này có thể hợp tác với các bộ, ngành xây dựng cơ chế “sản xuất sạch/phát triển sạch” hoặc cấp hạn ngạch xuất khẩu với hạn ngạch phát thải tương ứng.
- Để nâng cao tính bền vững môi trường trong doanh nghiệp cần bắt đầu từ tầm nhìn chiến lược của công ty, phân khúc khách hàng, giá trị cốt lõi, nhận thức của ban giám đốc và tất cả mọi người trong công ty. Mô hình kinh doanh tạo ra giá trị gia tăng cao sẽ có vốn để tăng cường tính bền vững về môi trường. Ngoài ra, các doanh nghiệp làm việc cho các thương hiệu có yêu cầu cao sẽ đòi hỏi mức giá cao, điều này đảm bảo nhà cung cấp có thể cung cấp đủ nguồn lực cho các hoạt động bền vững với môi trường của họ.

Bình đẳng giới

Dữ liệu từ các doanh nghiệp từ nghiên cứu Delphi cho thấy tất cả các doanh nghiệp được phỏng vấn đều tin rằng bạo lực, quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới không phải là vấn đề trong cơ sở của họ và rằng họ đã áp dụng các chính sách và quy trình phù hợp để giải quyết những vấn đề này. Tuy nhiên, hơn một phần ba trong số họ cho biết họ đã nhận được báo cáo hoặc quan sát thấy các tình huống bạo lực và quấy rối trong năm qua tại tổ chức của họ. Các bên liên quan lưu ý rằng bạo lực và quấy rối tồn tại ở cả công ty lớn và nhỏ. Tuy nhiên, những sự vụ như vậy hiếm khi được ghi lại và báo cáo do các rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và tổ chức cũng như nỗi lo mất thể diện và công việc của nhân viên. Điều này còn phức tạp hơn do nhận thức và quan điểm khác nhau về những gì cấu thành bạo lực và quấy rối trong văn hóa địa phương so với các tiêu chuẩn quốc tế.

Liên quan đến các chính sách “không khoan nhượng”, tất cả các bên liên quan của doanh nghiệp xác nhận rằng họ có các chính sách này để xác định, nghiêm cấm, ngăn chặn và giải quyết tất cả các hình thức bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc. Hầu hết các chính sách của công ty đều nghiêm cấm bạo lực thể chất, tình cảm và tình dục. Tuy nhiên, chỉ hai phần ba số doanh nghiệp được hỏi cho biết họ có cơ chế để nhân viên có thể báo cáo các trường hợp bạo lực và quấy rối. Hầu hết các bên liên quan khác đều cho rằng các doanh nghiệp dệt may đều đã triển khai tất cả các chính sách nêu trên. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng không phải tất cả các doanh nghiệp đều thực hiện tốt các chính sách này và điều này là do nhận thức về bạo lực và quấy rối còn thấp và sự e ngại khi nói về những chủ đề được coi là nhạy cảm.

Phần lớn những người được hỏi (doanh nghiệp và người lao động được phỏng vấn) cho biết doanh nghiệp của họ có đầy đủ các biện pháp để ngăn chặn bạo lực và quấy rối như: có chính sách tại nơi làm việc, có thông lệ xem xét bạo lực và quấy rối, nỗ lực xác định các mối nguy và đánh giá rủi ro, và đào tạo người lao động nhận biết các mối nguy hiểm, rủi ro để tự phòng ngừa và bảo vệ mình. Các doanh nghiệp còn lại chỉ có chính sách tiêu chuẩn về bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc.

Hầu hết các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đều có chính sách nghỉ thai sản theo quy định của luật lao động của chính phủ Việt Nam và được báo cáo là đã tuân thủ các tiêu chuẩn của Công ước 183 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về Bảo vệ thai sản. Tương tự, hầu hết những người tham gia cũng cho biết doanh nghiệp có chính sách trả lương khi nghỉ thai sản. Mặc dù các cuộc phỏng vấn đã chỉ ra một số khác biệt trong thực tiễn giữa các ngành, một số doanh nghiệp không có chính sách nghỉ thai sản và nghỉ sinh con rõ ràng. Bằng chứng khác của ILO cho thấy có những khoảng trống trong bảo vệ chế độ nghỉ thai sản trong lĩnh vực này ở Việt Nam⁵.

Để hỗ trợ tốt hơn cho những người làm cha mẹ đang đi làm, một số bên liên quan trong doanh nghiệp đề xuất rằng tổ chức của họ nên trợ cấp nhiều dịch vụ hơn cho nhân viên, tuy nhiên, hạn chế về tài chính và thiếu các bộ phận chuyên trách là những rào cản đối với việc bổ sung thêm những hỗ trợ này.

Các bên liên quan được phỏng vấn đã nêu bật những cơ hội ưu tiên sau đây nhằm giải quyết và tăng cường bình đẳng giới trong ngành:

- Các bên liên quan được phỏng vấn đã đề xuất nhiều hành động và cơ hội để giải quyết vấn đề bình đẳng giới, bao gồm nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề này, hỗ trợ và đảm bảo an toàn cho nạn nhân khi họ trình báo các vụ việc và xây dựng bộ quy tắc ứng xử dựa trên định nghĩa chung về bạo lực và quấy rối.
- Trợ cấp chi phí gửi trẻ hoặc bố trí nhà trẻ tại nơi làm việc. Mô hình này chưa được phát triển rộng rãi ở Việt Nam do nhiều công ty không có đủ nguồn lực. Các hoạt động tiếp theo sẽ hỗ trợ những người làm cha mẹ đi làm bao gồm xây dựng và yêu cầu các tiêu chuẩn về khu vực vệ sinh phụ nữ, phòng

5 ILO (2022) Chăm sóc tại nơi làm việc: Đầu tư vào chế độ nghỉ chăm sóc và các dịch vụ chăm sóc vì một thế giới việc làm bình đẳng giới hơn, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/documents/publication/wcms_838653.pdf

tắm, nơi vắt sữa và trữ sữa cho các bà mẹ đang cho con bú, cũng như tổ chức các chương trình đào tạo làm cha mẹ cho người lao động.

- Các khoản cấp dưỡng nuôi con cho người lao động cần được tính toán lại dựa trên chi phí cập nhật để đạt mức thỏa đáng hơn. Hiện tại, một số doanh nghiệp cung cấp hỗ trợ tối thiểu, vừa đủ để tuân thủ luật pháp địa phương. Các luật địa phương này nên được xem xét với mục đích tăng tính khả dụng và chất lượng của dịch vụ hỗ trợ nuôi con.
- Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia cần cung cấp lộ trình an toàn cho cha mẹ đưa con đi làm bằng xe máy, đặc biệt là phụ nữ.
- Chính phủ hỗ trợ người lao động trở lại làm việc sau thời gian vắng mặt vì lý do gia đình, đặc biệt là phụ nữ.

Xây dựng lại tốt hơn đi đôi với bền vững về môi trường và bình đẳng giới: Tóm tắt Báo cáo Quốc gia – Việt Nam



International
Labour
Organization



ilo.org

ILO Regional Office for Asia and the Pacific

United Nations Building
Rajdamnern Nok Avenue
Bangkok 10200, Thailand

T: +662 288 1234
F: +662 280 1735
E: BANGKOK@ilo.org
W: ilo.org/asiapacific

ISBN 978-92-2-038753-5



9 789220 387535